

CƠ SỞ VÀ THÀNH TỰU CỦA HỢP TÁC QUỐC PHÒNG VIỆT NAM - ẤN ĐỘ TRONG THẾ KỶ XXI

Phạm Thị Yên

Khoa Quan hệ Quốc tế, Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP.HCM

yenpt@huflit.edu.vn

TÓM TẮT— Bài viết làm rõ cơ sở cho sự phát triển hợp tác quốc phòng Việt Nam - Ấn Độ trong thế kỷ XXI cũng như những thành tựu mà hai quốc gia đã đạt được trong lĩnh vực này. Trên cơ sở vận dụng phương pháp nghiên cứu lịch sử và phương pháp phân tích lợi ích, tác giả chỉ ra rằng, hiện trạng tốt đẹp của quan hệ Việt - Ấn, nhu cầu cần có nhau của hai quốc gia trước những thách thức, đe dọa chung về an ninh và văn hóa quân sự mang tính chất hòa bình, nhân văn của cả Việt Nam và Ấn Độ là cơ sở quan trọng cho sự phát triển của hợp tác quốc phòng Việt - Ấn. Ở chiều ngược lại, các hoạt động hợp tác quốc phòng giữa hai bên càng củng cố hình ảnh, vị thế của mỗi quốc gia cũng như góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng trong các lĩnh vực khác của mỗi quan hệ song phương.

Từ khóa— Quan hệ Việt - Ấn, ngoại giao quốc phòng, cơ sở, thành tựu, hợp tác quốc phòng.

I. GIỚI THIỆU

Mối quan hệ truyền thống Việt Nam-Ấn Độ đã có từ lâu đời, khởi nguồn từ những giao lưu về văn hóa và thương mại trong lịch sử. Do sự tương đồng về khí hậu, gần gũi về tộc người, các nhà nước cổ trên lãnh thổ Việt Nam là Văn Lang - Âu Lạc ở Bắc Bộ, Champa ở Nam Trung Bộ và Phù Nam - Chân Lạp ở Nam Bộ đều có quan hệ giao lưu với Ấn Độ từ rất sớm và tiếp nhận ảnh hưởng của nền văn minh này ở những mức độ khác nhau [1]. Trải qua năm tháng, tuy cách xa về mặt địa lý, nhưng các mối liên hệ và giao lưu giữa nhân dân hai nước vẫn luôn được duy trì. Những công trình, đền đài Chăm Pa ở Thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam), di tích khảo cổ và kiến trúc nghệ thuật Óc Eo - Ba Thê (An Giang), Tông phái Phật giáo Tiểu thừa phổ biến tại miền Nam Việt Nam là minh chứng cho sự giao thoa văn hóa, tôn giáo lâu đời giữa hai nước.

Sự kết nối hòa bình về văn hóa, tín ngưỡng ấy tạo nền tảng vững chắc cho những thiện cảm tốt đẹp mà Việt Nam và Ấn Độ dành cho nhau cũng như ủng hộ lẫn nhau trong công cuộc đấu tranh, bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng và phát triển đất nước. Vào giữa thế kỷ XX, nhân dân và Nhà nước Ấn Độ nhiệt tình ủng hộ các phong trào đấu tranh của nhân dân Việt Nam. Ngày 17/10/1954, thời điểm chỉ một tuần sau khi Hà Nội được giải phóng, Thủ tướng Ấn Độ Jawaharlal Nehru đã trở thành nhà lãnh đạo nước ngoài đầu tiên thăm chính thức Việt Nam. Cũng trong năm đó, Tổng Lãnh sự quán Ấn Độ tại Thủ đô Hà Nội được thành lập và hai năm sau (năm 1956), Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Thủ đô New Delhi được thành lập. Đến ngày 7/1/1972, Ấn Độ và Việt Nam nâng quan hệ lên cấp đại sứ và hai nước chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao. Kể từ đó, mối quan hệ Việt - Ấn ngày càng được thúc đẩy, đặc biệt là trong lĩnh vực chính trị, quốc phòng. Bước vào thế kỷ XXI, sự trỗi dậy của Trung Quốc đã đặt ra những thách thức an ninh chung cho cả Việt Nam và Ấn Độ, buộc hai quốc gia phải tích cực tranh thủ ngoại lực, củng cố nội lực, cùng thúc đẩy hợp tác đa phương và song phương trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt, cả hai quốc gia đều quan tâm tới các hoạt động hợp tác quốc phòng như một hình thức tăng cường sức mạnh nội tại một cách hòa bình. Trong bối cảnh đó, hiện trạng tốt đẹp của mối quan hệ truyền thống, nhu cầu cần có nhau trong định hướng cần bảo đảm an ninh quốc gia của mỗi nước cũng như bản sắc văn hóa quân đội của Việt Nam, Ấn Độ trở thành cơ sở vững chắc cho các hoạt động hợp tác quốc phòng Việt - Ấn. Phần II tiếp sau đây của bài viết sẽ đi vào phân tích chi tiết những cơ sở này và phần III sẽ làm rõ những thành tựu của hợp tác quốc phòng giữa hai bên trong thế kỷ XXI.

II. CƠ SỞ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC QUỐC PHÒNG VIỆT - ẤN

A. NHỮNG ĐIỂM NỔI BẬT CỦA QUAN HỆ VIỆT - ẤN

Mối quan hệ truyền thống Việt Nam - Ấn Độ có đặc điểm nổi bật là được kết nối bằng các giá trị tinh thần, mà ở thời kỳ cổ đại, chủ yếu là theo hướng một chiều từ Ấn Độ sang Việt Nam. Tuy nhiên, từ thời cận đại, chiếc cầu nối này đã có tính hai chiều khi tinh thần đấu tranh quật cường của người Việt lan tỏa ra ngoài thế giới và thu hút Ấn Độ, đặc biệt là qua những lần tiếp xúc cá nhân giữa lãnh đạo của hai quốc gia.

Cuộc gặp gỡ giữa nhà yêu nước Nguyễn Ái Quốc với nhà yêu nước Motilal Nehru (cha của Thủ tướng Ấn Độ Jawaharlal Nehru sau này) tại hội nghị phát động phong trào chống chiến tranh đế quốc tại Brussels, Bỉ vào năm 1928 [2] đã đặt viên gạch đầu tiên cho quan hệ Việt Nam - Ấn Độ thời hiện đại. Các chuyến thăm cấp cao qua lại tiếp theo giữa lãnh đạo hai nước (Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Ấn Độ năm 1946 và 1958, Thủ tướng Jawaharlal Nehru thăm Việt Nam năm 1954) đã truyền tải các giá trị tinh thần của dân tộc Việt Nam đến Ấn Độ. Chính vì thế, nhân dân Ấn Độ hết lòng ủng hộ cách mạng Việt Nam. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, nhiều

cuộc biểu tình đã diễn ra ở Ấn Độ để bày tỏ tình đoàn kết đối với nhân dân Việt Nam, chính phủ Ấn Độ còn lấy ngày 19/1/1947 làm ngày Việt Nam, như một sự ủng hộ chính thức đối với phong trào đấu tranh của người Việt. Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời (1969), chính quyền Tây Bengal và Hội đồng thành phố Calcuta của Ấn Độ quyết định đổi tên phố Harington (nơi đặt các cơ quan lãnh sự Anh, Mỹ) thành thành phố Hồ Chí Minh [3]. Nhìn chung, trong giai đoạn này, Ấn Độ đã luôn sát cánh, ủng hộ Việt Nam cả về vật chất và tinh thần theo một cách trong sáng, xuất phát từ những tình cảm đối với lịch sử đấu tranh bất khuất của nhân dân Việt Nam. Kể từ năm 1972, khi Việt Nam, Ấn Độ thiết lập quan hệ ngoại giao đầy đủ, mối quan hệ giữa hai quốc gia ngày càng được thúc đẩy trên tất cả các lĩnh vực.

1. VỀ CHÍNH TRỊ - NGOẠI GIAO

Sau năm 1975, quan hệ Việt Nam – Ấn Độ bước vào giai đoạn mới, Ấn Độ tích cực ủng hộ Việt Nam trở thành thành viên Liên Hợp Quốc. Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã thăm chính thức Ấn Độ vào năm 1978 và ký nhiều thỏa thuận hợp tác về tín dụng, thương mại, khoa học kỹ thuật và chương trình trao đổi văn hóa với đối tác truyền thống. Vào năm 1982, trong bối cảnh bị ảnh hưởng bởi cuộc Chiến tranh Lạnh, hai nước vẫn thành lập Ủy ban hỗn hợp về hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật. Sau năm 1991, hợp tác giữa hai bên càng được thúc đẩy, đặc biệt là trong lĩnh vực chính trị - ngoại giao. Tuyên bố chung về Khuôn khổ hợp tác toàn diện Việt Nam – Ấn Độ bước sang thế kỷ XXI được ký kết vào năm 2003 đã trở thành định hướng lớn cho sự phát triển sâu rộng của quan hệ hai nước sau này. Năm 2007, hai bên thiết lập mối quan hệ Đối tác chiến lược – sự kiện đánh dấu Việt Nam là quốc gia đầu tiên trong khu vực Đông Nam Á và thứ hai ở châu Á – Thái Bình Dương (sau Nhật Bản) xác lập quan hệ chiến lược với Ấn Độ [4]. Mối quan hệ này tiếp tục được nâng cấp thành “Đối tác Chiến lược toàn diện” vào năm 2016 trong chuyến thăm Việt Nam của Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi, càng cho thấy sự hiệu quả của hợp tác Việt – Ấn.

Trong những năm sau đó, quan hệ chính trị - ngoại giao giữa Việt Nam và Ấn Độ ngày càng phát triển cả về chất và lượng. Hai nước thường xuyên trao đổi các chuyến thăm cấp cao, trong đó nổi bật là các chuyến thăm Ấn Độ của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang (2011), Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng (2013), Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng (2014), Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân (2016), Chủ tịch nước Trần Đại Quang (3/2018), Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ (2021); và chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Ấn Độ Pranab Mukherjee (2014), Thủ tướng Narendra Modi (2016), Tổng thống Ram Nath Kovind (2018). Thông qua các cuộc tiếp xúc, trao đổi, nhiều thỏa thuận quan trọng đã được ký kết, củng cố sự hiểu biết và tin cậy lẫn nhau giữa hai Nhà nước, hai dân tộc. Đặc biệt, dấu ấn từ chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Pranab Mukherjee vào năm 2014 vô cùng rõ nét khi ông khẳng định “... Ấn Độ sẽ luôn là người bạn tin cậy và thủy chung của Việt Nam” [5]. Đây là sự cam kết hiếm thấy trong quan hệ chính trị giữa các quốc gia. Đặc biệt hơn, chuyến thăm này diễn ra ngay trước thềm chuyến thăm Ấn Độ của Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình và trong bối cảnh sự kiện Trung Quốc hạ đặt giàn khoan HD981 trên vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam kết thúc chưa lâu (5/2014 - 7/2014). Chính vì thế, nó mang giá trị chiến lược đối với cả Việt Nam và Ấn Độ, như một sự ủng hộ tinh thần bất chấp hoàn cảnh mà hai bên dành cho nhau. Bên cạnh đó, chuyến thăm của Thủ tướng Narendra Modi vào tháng 9/2016 cũng có tính bước ngoặt khi Việt Nam – Ấn Độ nâng mối quan hệ lên tầm đối tác chiến lược toàn diện, một minh chứng rõ ràng về tình hữu nghị lâu dài và phát triển ổn định của hai quốc gia.

Việc triển khai mối quan hệ đối tác chiến lược toàn diện được Việt Nam và Ấn Độ lên kế hoạch và xây dựng lộ trình cụ thể, minh chứng là, “Chương trình hành động triển khai quan hệ đối tác chiến lược toàn diện 2017–2020” được hai nước ký kết vào năm 2017. Sau đó, vào năm 2020, hai đối tác truyền thống đề ra Tầm nhìn chung về hòa bình, thịnh vượng và người dân để định hướng phát triển cho quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện trong tương lai, đồng thời tiếp tục ký kết Chương trình hành động triển khai quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện giai đoạn 2021 – 2023. Trong chuyến thăm mới đây của Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ tới Ấn Độ (12/2021), hai nước cũng đã ký một loạt thỏa thuận hợp tác trong các lĩnh vực: Đào tạo nguồn nhân lực, chế biến dầu khí và năng lượng, triển khai thực hiện hạ tầng dự án công viên dược tại Việt Nam, phát triển các loại thuốc đặc trị Covid-19 và các sản phẩm dược tiềm năng...[6]. Tất cả những hoạt động chính trị - ngoại giao này đều mở ra không gian để Việt Nam và Ấn Độ hợp tác trên các lĩnh vực khác, đóng góp vào sự phát triển bền vững của mối quan hệ hữu nghị truyền thống.

2. VỀ KINH TẾ VÀ VĂN HÓA – XÃ HỘI

Quan hệ giữa Việt Nam và Ấn Độ đã không ngừng được thúc đẩy theo một tiến trình liên tục, nhất quán. Ngoài chính trị – ngoại giao và an ninh – quốc phòng, cả hai nước còn tập trung phát triển quan hệ kinh tế và văn hóa - xã hội. Trên cơ sở của các thỏa thuận và hiệp định đã ký, doanh nghiệp hai bên có điều kiện thuận lợi để thúc đẩy giao thương và đầu tư. Kim ngạch thương mại hai chiều Việt - Ấn đã tăng trưởng trung bình 20% mỗi năm kể từ khi hai nước nâng tầm quan hệ lên Đối tác chiến lược toàn diện vào năm 2016. Theo số liệu của Tổng cục Hải Quan Việt Nam, trong 11 tháng đầu năm 2021, thương mại song phương Việt Nam - Ấn Độ đạt 12,08 tỷ USD, tăng 37,68% so với cùng kỳ năm ngoái và cao hơn tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả năm 2020 [7]. Đến nay, Ấn Độ đã trở thành một trong 10 đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam.

Về văn hóa, đây là lĩnh vực có lịch sử lâu đời của quan hệ Việt – Ấn. Sau năm 1975, các hoạt động giao lưu văn hóa của hai quốc gia dựa trên nền tảng của Hiệp định văn hóa song phương ký năm 1976. Nhiều liên hoan phim Việt Nam tại Ấn Độ được tổ chức, nhiều chương trình ca múa nhạc Ấn Độ tại Việt Nam được diễn ra, làm cho sự hiểu biết văn hóa giữa nhân dân hai nước thêm phần sâu đậm. Văn học Ấn Độ với những tác phẩm như Bộ sử thi Mahabharata, Ramayana, thơ chọn lọc của R.Tagor, “Truyện kể về Vetala” và tác phẩm văn học hiện đại “Mùa tôm” lần lượt được xuất bản tại Việt Nam và được nhân dân Việt Nam đón nhận nhiệt tình, trân trọng [8]. Một số nhà sư Việt Nam cũng sang tu hành tại Ấn Độ. Những ngày quốc khánh, kỷ niệm sinh nhật các danh nhân của Việt Nam và Ấn Độ như Hồ Chí Minh, M. Gandhi, J. Nehru, I. Gandhi, R. Tagor cũng được tiến hành thường xuyên và trọng thể ở hai nước.

Hợp tác văn hóa tiếp tục là điểm nhấn của quan hệ Việt – Ấn giai đoạn sau Chiến tranh Lạnh. Hai nước thường xuyên phối hợp tổ chức các chương trình giao lưu văn hóa, nghệ thuật nhằm tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau. Tại Việt Nam, tổ bộ môn Ấn Độ học của trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia TP.HCM và Đại học Quốc gia Hà Nội), Trung tâm Nghiên cứu Ấn Độ (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh) và Viện Nghiên cứu Ấn Độ - Tây Nam Á (Viện Khoa học xã hội Việt Nam) là các cơ sở mở ra kênh tiếp cận mới đối với văn hóa Ấn Độ, kể cả tiếng Hindi và tiếng English (India-English, tức tiếng Anh của người Ấn), đồng thời thúc đẩy nghiên cứu Ấn Độ tại Việt Nam. Thông qua đó, nhiều dự án nghiên cứu văn hóa và bảo tồn văn hóa đã được triển khai, đặc biệt là dự án bảo tồn và tôn tạo di tích Thánh địa Mỹ Sơn mà Ấn Độ tài trợ 2,5 triệu USD (khoảng hơn 54 tỷ đồng) [9].

Giao lưu văn hóa Việt Nam – Ấn Độ còn được phổ biến trong mọi tầng lớp nhân dân thông qua điện ảnh, âm nhạc, nghệ thuật múa. Người dân Ấn Độ luôn nhớ về hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh, về tinh thần chiến đấu của Việt Nam qua những bộ phim được chiếu tại Ấn Độ. Trong khi đó, nền điện ảnh Bollywood đã trở nên quen thuộc với người Việt Nam từ những bộ phim nổi tiếng như 3 Idiots (Ba chàng ngốc), Slumdog Millionaire (Triệu phú ổ chuột), Like Stars on Earth (Cậu bé đặc biệt), Andaz Apna Apna và gần đây là “Cô dâu tám tuổi”. Đặc biệt, “Cô dâu 8 tuổi” đã lọt vào top 10 từ khóa được người Việt tìm kiếm nhiều nhất trong năm 2015 [10]. Thông qua phim ảnh, những điệu múa cổ truyền của Ấn Độ được Việt Nam đặc biệt yêu thích. Trên thực tế, Belly Dance, múa đương đại Ấn Độ và Yoga đã được yêu thích và phổ biến ở Việt Nam từ lâu. Tất cả những đặc điểm này đều đóng góp vào việc phát triển mối quan hệ chiến lược toàn diện Việt – Ấn, đồng thời trở thành cơ sở quan trọng cho triển vọng tốt đẹp của ngoại giao quốc phòng giữa hai bên.

B. SỰ HỢP TÁC VỀ TẦM NHÌN CỦA ẤN ĐỘ VÀ VIỆT NAM

Như một câu nói của người Ấn Độ rằng “không có một bà mối nào có thể làm việc tốt hơn bằng khi người ta có kẻ thù chung” [11], khi hai quốc gia cùng có một đối tượng thách thức và đe dọa đến nền độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ sẽ đoàn kết chặt chẽ với nhau hơn. Tình trạng hiện nay của quan hệ Việt – Ấn là như vậy, và thách thức an ninh chung của hai quốc gia có xuất phát điểm từ những hành động của Trung Quốc.

Từ khi trở thành những quốc gia độc lập thời hiện đại, cả Ấn Độ và Việt Nam đều có xung đột vũ trang với Trung Quốc. Nếu như cuộc chiến tranh biên giới năm 1962 là một nốt trầm khó phai của quan hệ Trung – Ấn thì cuộc chiến tranh tại biên giới phía Bắc Việt Nam năm 1979 cùng những đợt hải chiến tại Hoàng Sa (1956, 1974) và Trường Sa (1988) là những vết hằn cộng thêm vào khúc mắc lịch sử của quan hệ Việt -Trung. Hiện nay, tranh chấp ở biên giới giữa Ấn Độ và Trung Quốc vẫn chưa được giải quyết và xung đột thậm chí còn trở nên phức tạp bởi những lần đột kích bất ngờ từ cường quốc Đông Bắc Á. Trong khi đó, tham vọng trở thành cường quốc biển của Trung Quốc đã và đang đe dọa nghiêm trọng đến chủ quyền biển đảo của Việt Nam trên biển Đông. Ấn Độ không có yêu sách ở biển Đông nhưng lại có lợi ích lớn ở vùng biển này. Gần 55% thương mại của Ấn Độ với khu vực châu Á – Thái Bình Dương được vận chuyển qua biển Đông [12] buộc Ấn Độ phải quan tâm đến việc bảo đảm tự do hàng hải trên vùng biển chiến lược. Bên cạnh đó, biển Đông còn có sự gắn kết chặt chẽ với Ấn Độ Dương - nơi được Ấn Độ xem là lợi ích tự nhiên của mình. Vùng biển Đông Nam Á (biển Đông) nhìn từ Ấn Độ Dương là “sân sau”, nhưng nhìn từ Ấn Độ lại là “tiền sảnh” của Ấn Độ Dương [13]. Tức là, đối với Ấn Độ, biển Đông là “lá chắn” của Ấn Độ Dương.

Thế nhưng, ngay tại Ấn Độ Dương, mối đe dọa Trung Quốc cũng đã hiển hiện đậm nét. Như một cách hạn chế phạm vi ảnh hưởng của cường quốc Nam Á, Trung Quốc đã tăng cường hiện diện tại khu vực thông qua việc tạo dựng các bán liên minh với các quốc gia láng giềng của Ấn Độ như Myanmar, Pakistan. Trung Quốc đã và đang thiết lập một “chuỗi ngọc trai” (string of pearls) trải dài từ biển Đông qua Ấn Độ Dương, trong đó, các “hạt ngọc” dọc duyên hải Ấn Độ Dương như cảng Gwadar (Pakistan), Hambantota (Srilanka), Chittagong (Bangladesh), Sittwe, Kyaukpyu và Yangon (Myanmar), Mahé (Seychelles) như những chốt chặn có thể “khóa” Ấn Độ ở phạm vi tiểu lục địa. Không dừng lại ở đó, từ năm 2014, Trung Quốc thúc đẩy “con đường tơ lụa trên biển” (MSR) từ sáng kiến “Một vành đai, một con đường” (OBOR) đầy tham vọng. Tuy nhiên, đối với Ấn Độ, “con đường tơ lụa trên biển” là “mưu kế thành Troy để bành trướng vị thế địa chính trị của Trung Quốc ở Ấn Độ Dương” [14]. Tất cả những điểm này khiến Ấn Độ trở thành quốc gia “đồng cảnh ngộ” với Việt Nam trong mối quan hệ với Trung

Quốc. Trong không gian này, những căng thẳng ngày càng gia tăng và phức tạp giữa Việt Nam và Trung Quốc đặc biệt là lợi ích và vị thế của Việt Nam tại Đông Dương đã giúp Việt Nam trở thành đối tác tự nhiên cho Ấn Độ nhằm cân bằng quyền lực với Trung Quốc [15]. Việt Nam sẽ là cầu nối giúp Ấn Độ gia tăng vị thế ở biển Đông, ở Đông Nam Á, cũng như ở châu Á – Thái Bình Dương, thoát khỏi vòng kiềm tỏa mà Trung Quốc giăng ra nhằm hạn chế tầm ảnh hưởng của Ấn Độ ở khu vực. Về vị trí địa lý, Việt Nam được xem là trung điểm giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, nằm trên ngã tư đường giữa Đông Bắc Á và Đông Nam Á và đặc biệt có địa hình trải dài trên biển Đông, vùng biển ngày càng trở nên quan trọng đối với ngành công nghiệp hàng hải quốc tế. Hơn thế nữa, nhìn từ các nước trong khu vực, Việt Nam còn là “cửa ngõ” của Trung Quốc, Lào, Campuchia về phía Nam. Đây chính là điểm góp phần làm nên giá trị chiến lược của Việt Nam đối với Ấn Độ trong định hướng phát triển mối quan hệ Ấn Độ – ASEAN cũng như trong việc xử lý mối quan hệ với Trung Quốc của quốc gia Nam Á này.

Về phía Việt Nam, giá trị chiến lược của Ấn Độ nằm ở vị thế nước lớn và chính sách trung lập của Ấn Độ. Trong quan điểm của Việt Nam, Ấn Độ là một nước lớn hoà bình, một nước lớn có thể đóng vai trò quan trọng trong chính sách đa phương và cân bằng của Việt Nam. Với một nền kinh tế phát triển cùng tiềm lực về an ninh quốc phòng¹, Ấn Độ cho thấy rõ khả năng cân bằng về mặt chiến lược ở khu vực với Trung Quốc [16]. Bên cạnh đó, giá trị chiến lược của Ấn Độ đối với Việt Nam còn được nhìn qua lăng kính quan hệ nước lớn. Ở vị trí của Việt Nam, thúc đẩy quan hệ an ninh – chính trị với Ấn Độ sẽ tránh được những nhạy cảm không cần thiết với Trung Quốc. So với Mỹ hay Nhật Bản thì Ấn Độ vẫn là một đối tác có phần “hài hoà” hơn cả. Có thể nói, chính mối đe dọa chung đã làm hai quốc gia bạn bè có thêm cơ sở để gần gũi, và đặc điểm địa hình, vị thế của mỗi bên góp thêm động lực cho sự phát triển của quan hệ Việt – Ấn. Trên cơ sở đó, tầm quan trọng địa chính trị của Việt Nam là điểm góp phần làm nên giá trị chiến lược của Việt Nam đối với Ấn Độ trong định hướng phát triển mối quan hệ Ấn Độ – ASEAN cũng như trong việc xử lý mối quan hệ với Trung Quốc của quốc gia Nam Á. Mặt khác, vị thế nước lớn của Ấn Độ là yếu tố cần thiết cho chính sách đa phương của Việt Nam, đặc biệt là chủ trương đa phương trên biển Đông (quốc tế hóa vấn đề biển Đông). Có nghĩa là, bên cạnh những thiện cảm tốt đẹp của mối quan hệ truyền thống, Việt Nam và Ấn Độ có lợi ích thiết thực để thúc đẩy hợp tác. Cả hai quốc gia có sự hội tụ về tầm nhìn: đều cần có nhau trong việc ứng phó với thách thức an ninh đến từ Trung Quốc và là đối tác chiến lược của nhau (Ấn Độ là một đối tác quan trọng trong chiến lược “đa dạng hoá, đa phương hoá” quan hệ đối ngoại của Việt Nam và Việt Nam là đối tác quan trọng của Ấn Độ trong nỗ lực tăng cường hội nhập vào Đông Nam Á, đặc biệt qua chính sách “Hành động phía Đông” (Act-East Policy) của nước này).

C. VĂN HÓA QUÂN SỰ CỦA VIỆT NAM VÀ ẤN ĐỘ

Việt Nam và Ấn Độ đều có một điểm chung là cùng trải qua quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc trước sự đô hộ của các cường quốc phương Tây. Tuy nhiên, con đường đi đến thành công của hai quốc gia lại có sự khác biệt. Nếu như Việt Nam đấu tranh trên tư tưởng “bạo động cách mạng” của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ấn Độ lại giành được thành công nhờ chủ trương “bất bạo động” của Gandhi. Dẫu vậy, trong giai đoạn hòa bình, con đường của Việt Nam và Ấn Độ lại tương đồng dù cho chế độ chính trị khác nhau. Cả hai quốc gia đều chủ trương “không liên kết”, giải quyết các bất đồng trên cơ sở hòa bình. Về bản chất, văn hóa quân sự của Việt Nam và Ấn Độ có điểm tương đồng là tính nhân văn.

Về phía Ấn Độ, kể từ sau năm 1947, Ấn Độ luôn nhất quán chủ trương hòa bình về đối ngoại nói chung và về quốc phòng nói riêng. Tính chất “hòa bình” ấy được thể hiện qua cách thức Ấn Độ hành xử với bên ngoài. Trong thế kỷ XXI, sự tăng trưởng vượt bậc của Ấn Độ từ những năm đầu thế kỷ XXI được xem là sự “trỗi dậy” ấn tượng không kém gì Trung Quốc. Tuy nhiên, khác với hình ảnh mang tính “đe dọa” của Trung Quốc, sự trỗi dậy của Ấn Độ mang tới hình ảnh của một cường quốc có “trách nhiệm” với các vấn đề quốc tế và khu vực trên tinh thần bình đẳng, hợp tác chứ không “áp đặt” hay “can thiệp”. Minh chứng cho điều này là sự thể hiện của Ấn Độ trong các nỗ lực nhằm củng cố quan hệ với các cường quốc như Mỹ, Nga, EU, Nhật Bản và cả các cường quốc tầm trung (middle power) như Hàn Quốc, Australia. Tinh thần ấy cũng được thể hiện trong cách Ấn Độ xử lý xung đột biên giới với Trung Quốc. Sau đụng độ vũ trang năm 1962, ranh giới Trung - Ấn được phân định bởi Đường kiểm soát thực tế (LAC). Ở thời điểm đó, LAC tồn tại như một đường ngừng bắn không chính thức giữa Ấn Độ và Trung Quốc. Tuy nhiên, đến năm 1993, sự tồn tại của nó được chính thức chấp nhận như là “Đường kiểm soát thực tế” trong một thỏa thuận song phương [17]. Dẫu vậy, ranh giới kiểm soát thực tế không phải là đường biên giới chính thức và tranh chấp biên giới giữa hai quốc gia vẫn luôn tồn tại. Thỉnh thoảng lại xảy ra khủng hoảng, điển hình như cuộc đối đầu quân sự quy mô lớn giữa Ấn Độ và Trung Quốc ở khu vực phía đông tại Sumdurong Chu vào năm 1986-1987, cuộc khủng hoảng Doklam năm 2017 hay những lần va chạm có thương vong từ giữa năm 2020 đến nay. Ngoài Sikkim đã được thống nhất, các điểm tranh chấp còn lại vẫn là vấn đề tồn tại của quan hệ Trung-Ấn, biến quan hệ này trở thành một trong những mối quan hệ có nhiều khúc mắc lãnh thổ. Cùng với sự va chạm không thể tránh khỏi trong tiến trình cả hai quốc gia trỗi dậy mạnh mẽ từ cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI, việc giải quyết vấn đề biên giới giữa Trung Quốc và Ấn Độ ngày một phức tạp. Tuy nhiên, với văn hóa quân sự

¹ Ấn Độ có nền kinh tế lớn thứ 6 thế giới và tiềm lực quốc phòng lớn thứ 4 thế giới (số liệu năm 2022).

hòa bình, Ấn Độ luôn hướng tới việc đối thoại thay vì xung đột vũ trang, chính vì thế, tình hình biên giới Trung – Ấn chưa bao giờ ổn định, nhưng cũng chưa bao giờ vượt quá tầm kiểm soát. Chính sách hòa bình của Ấn Độ tạo ra không gian chung với Việt Nam – quốc gia vốn nổi tiếng về sự yêu chuộng hòa bình và vì hòa bình có thể làm tất cả.

Trong khi đó, đối với Việt Nam, trong lịch sử dựng nước và giữ nước, Việt Nam luôn thể hiện tinh thần “biết người biết ta”, bình đẳng với nước nhỏ, “hòa hiếu” với nước lớn. Cho dù luôn phải đối đầu với những kẻ thù cực mạnh, người Việt cũng luôn hướng toàn bộ hoạt động quân sự của mình đến cái chân – thiện – mỹ, chứ không đơn thuần hướng đến cái thiện chiến [18]. Thời kỳ chống Pháp và chống Mỹ, quá trình giải phóng, giành độc lập dựa trên tư tưởng “bạo động cách mạng” của Hồ Chí Minh, nhưng tư tưởng này cũng luôn gắn chặt với tinh thần hòa bình. Việt Nam đấu tranh từng bước một, tranh thủ hòa bình từng chút một, tận dụng mọi cơ hội hòa bình có thể có, chỉ khi nào không thể cứu vãn mới quyết liệt đấu tranh và đấu tranh tới cùng cũng để hướng tới hòa bình. Việc Việt Nam áp dụng chính sách nhân nhượng với Pháp và Tưởng Giới Thạch trong giai đoạn 1945-1946 là minh chứng rõ nét nhất cho tinh thần này. Sau giải phóng, đặc biệt là kể từ năm 1986, công cuộc Đổi mới và chính sách đối ngoại rộng mở, với chủ trương đa dạng hóa, đa phương hóa, sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước tiếp tục củng cố tinh thần hòa bình về đối ngoại nói chung và hợp tác quốc phòng nói riêng của Việt Nam.

Chính sách hòa bình dựa trên cơ sở về tính khoan dung của người Việt và cũng là một bài học mà Việt Nam đã rút ra được trong suốt lịch sử đấu tranh của dân tộc. Trên cơ sở đó, trong thế kỷ XXI, các hoạt động hợp tác quốc phòng của Việt Nam luôn được triển khai trên tinh thần “hòa bình và tự vệ” [19], đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ và tránh “chọn phe”. Đặc biệt, Việt Nam luôn quán triệt chính sách quốc phòng “bốn không”, bao gồm không tham gia liên minh quân sự; không liên kết với nước này để chống nước kia; không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ để chống lại nước khác; không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế [20]. Tinh thần này được Việt Nam triển khai nhất quán, ngay cả trong việc xử lý xung đột ở biển Đông. Việt Nam vẫn luôn tìm cách giải quyết tranh chấp thông qua đàm phán hòa bình, tôn trọng lợi ích hợp pháp của các nước liên quan, tôn trọng các giá trị văn hoá của nhân loại, nghiêm túc đàm phán và giải quyết các vấn đề dựa trên luật pháp quốc tế [21]. Thực tế này đã góp phần gia tăng “sức mạnh mềm” của Việt Nam trong quan hệ quốc tế, tạo ra vị thế và quyền lực bình đẳng hơn cho Việt Nam trong việc giải quyết các vấn đề quốc tế và khu vực trong những năm gần đây.

Trong bối cảnh thế giới phải đối mặt với nhiều vấn đề an ninh, từ truyền thống đến phi truyền thống, hướng tiếp cận hòa bình để giải quyết các vấn đề của Việt Nam tạo thiện cảm với cộng đồng quốc tế, thể hiện tinh thần lấy cái “bất biến” là an ninh thịnh vượng của con người làm mục tiêu trong việc ứng phó với những “vạn biến” là sự phức tạp của tình hình thế giới. Chính sách này dễ dàng nhận được thái độ thân thiện hơn từ các nước khác vì hòa bình cũng là điều mà nhân dân bất kỳ quốc gia nào trên thế giới mong mỏi. Chính sách này đồng thời cũng có sự gần gũi với cách tiếp cận của Ấn Độ, tạo thành mẫu số chung với văn hóa quân sự Ấn Độ, thúc đẩy hợp tác quốc phòng giữa hai nước.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC PHÒNG VIỆT NAM – ẤN ĐỘ TRONG THẾ KỶ XXI

Với những cơ sở chủ yếu đã đề cập, bên cạnh chính trị - ngoại giao, quốc phòng là lĩnh vực hợp tác quan trọng của quan hệ Việt – Ấn, được hai nước thúc đẩy mạnh mẽ, đặc biệt là giai đoạn sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc. Ngày 06/9/1994, trong chuyến công du của Thủ tướng P.V. Narasimha Rao đến Việt Nam, Nghị định thư về hợp tác quốc phòng Việt - Ấn đã được ký kết, trên cơ sở đó, hai nước đạt thỏa thuận để công ty Hindustan Aeronautics Ltd. (HAL) đại tu động cơ MiG-21 của Không Quân Việt Nam [22].

Năm 2000, hai bên tiếp tục ký kết một thoả thuận hợp tác quốc phòng nhằm triển khai những đợt diễn tập chống hải tặc không công bố tại biển Đông, đồng thời hỗ trợ nhau trong công tác huấn luyện. Theo đó, Việt Nam huấn luyện binh sĩ Ấn Độ về chiến thuật chiến tranh du kích, còn New Delhi hỗ trợ Hải quân Việt Nam việc sửa chữa, nâng cấp, đóng tàu chiến và tàu tuần tra nhanh [23]. Thỏa thuận này được cho là có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với Việt Nam ở thời điểm đó, bởi vì, sự hiện diện của hải quân Ấn Độ sẽ góp phần lấp đầy “lỗ hổng an ninh” khi Nga rời khỏi Cam Ranh, giúp đảm bảo tự do hàng hải trên biển Đông và kiềm chế tình hình xung đột. Bên cạnh đó, tăng cường quan hệ quốc phòng Việt – Ấn còn giúp Việt Nam giảm sự lệ thuộc gần như toàn diện vào Nga trong bối cảnh quan hệ Việt – Nga có thể bị ảnh hưởng bởi Hợp đồng thuê Cam Ranh hết hiệu lực.

Sau khi hai nước nâng cấp quan hệ lên tầm Đối tác chiến lược (2007), một loạt các chuyến thăm quan trọng giữa Bộ quốc phòng hai bên đã diễn ra. Ngay trong tháng 12/2007, Việt Nam – Ấn Độ đã ký biên bản ghi nhớ về hợp tác quốc phòng, hải quân, phòng không và đào tạo. Từ đó, đối thoại, giao lưu quốc phòng và thương mại quốc phòng giữa hai bên được tích cực thúc đẩy. Tính đến năm 2011, Việt Nam và Ấn Độ đã tổ chức 6 lần “Đối thoại chiến lược quốc phòng”, 2 lần “Đối thoại chiến lược” và 5 lần “trao đổi ngoại giao” [24]. Giao lưu quốc phòng từ năm 2010 cũng có nhiều hoạt động nổi bật như việc Tư lệnh lục quân Ấn Độ lần đầu tiên sau 10 năm thăm Việt

Nam (tháng 7/2010) hay việc Việt Nam lần đầu tiên mời tàu đổ bộ “INS Airavat” thăm cảng Nha Trang (tháng 7/2011), một địa điểm cũng tương đối “nhạy cảm” vì rất gần Cam Ranh, lại có cùng kinh độ với cảng Tam Á, căn cứ Hạm đội Nam Hải của Trung Quốc. Về thương mại quốc phòng, Ấn Độ luôn thể hiện sự kiên định với dự án ONGC, cùng Việt Nam khai thác dầu khí tại vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam trên biển Đông; bất chấp những hành động mang tính đe dọa từ Trung Quốc vốn đã khiến các đối tác Anh phải từ bỏ trước đó. Trong chuyến thăm của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang vào tháng 10/2011, Việt Nam đề nghị Ấn Độ cung cấp tên lửa hành trình BrahMos, một loại tên lửa được liên doanh sản xuất bởi Nga và Ấn Độ [25] được rất nhiều nước quan tâm. Dù Ấn Độ có phần cân nhắc kỹ lời đề nghị này, nhưng có tin cho biết New Delhi đã chấp nhận cấp cho Hà Nội gói tín dụng 100 triệu USD để mua tàu tuần tra của Ấn Độ; hải quân Ấn Độ cũng đồng ý đào tạo thủy thủ tàu ngầm cho Việt Nam. Cuối tháng 11/2013, trong chuyến thăm Ấn Độ của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, thông tin Ấn Độ hỗ trợ huấn luyện tới 500 thủy thủ Việt Nam cho các tàu ngầm đã được công bố [26]. Bản thân Hải quân Ấn Độ đã vận hành các tàu ngầm Kilo của Nga từ giữa những năm 1980, chính vì thế, với sự hỗ trợ của Ấn Độ, Việt Nam hoàn toàn có thể yên tâm về kỹ thuật (tàu ngầm Việt Nam cũng là tàu ngầm Kilo của Nga).

Năm 2015, Ấn Độ và Việt Nam ký bản “Tuyên bố tầm nhìn chung về quan hệ quốc phòng Việt Nam – Ấn Độ giai đoạn 2015-2020” và “Biên bản ghi nhớ về hợp tác giữa lực lượng bảo vệ bờ biển của hai nước” [27] nhân chuyến thăm Ấn Độ của Bộ trưởng Quốc phòng Phùng Quang Thanh. Đây là những bước đi thể hiện việc tăng cường hơn nữa hợp tác quốc phòng Việt - Ấn. Theo sau sự kiện, tháng 5/2016, hai tàu chiến Ấn Độ là khinh hạm tàng hình tên lửa dẫn đường INS Satpura và tàu hậu vệ tên lửa dẫn đường INS Kirch đã cập cảng quốc tế Cam Ranh – thời điểm chỉ 2 tháng sau khi cảng quốc tế này đi vào hoạt động (3/2016).

Tiếp tục dòng phát triển, từ ngày 5-8/6/2016, Bộ trưởng Quốc phòng Ấn Độ, Manohar Parrika, đã thăm Việt Nam nhằm đưa quan hệ quốc phòng hai nước đi vào chiều sâu theo thỏa thuận và tầm nhìn đã được xác định trước đó. Điểm nhấn quan trọng trong chuyến thăm là thông tin về hợp đồng tên lửa BrahMos mà Việt Nam đề xuất từ năm 2011 đã được Ấn Độ thông qua². Cũng trong năm 2016, Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi thăm Việt Nam và hai nước nâng cấp mối quan hệ lên tầm Đối tác Chiến lược toàn diện. Trong dịp này, Ấn Độ đã công bố gói tín dụng quốc phòng mới trị giá 500 triệu USD [28] cho Việt Nam nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác về công nghiệp quốc phòng hai nước trở nên sâu sắc hơn.

Hai quốc gia tiếp tục đà tăng cường hợp tác, bất chấp bối cảnh khác nhau của tình hình thế giới và khu vực. Trong thời kỳ của đại dịch Covid-19, dù đang là quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề hàng đầu thế giới, vào tháng 8/2021, Ấn Độ vẫn hỗ trợ Việt Nam 1 triệu USD nhằm xây dựng Công viên phần mềm Quân đội tại Trường Đại học Thông tin liên lạc Nha Trang (khoản giải ngân đầu tiên trong gói viện trợ 5 triệu USD) [29]. Có thể thấy, bên cạnh ba lĩnh vực chính là: đào tạo, công nghiệp quốc phòng và tàu thăm viếng; hợp tác quốc phòng Việt - Ấn cũng quan tâm tới vấn đề chia sẻ thông tin, kinh nghiệm trên các lĩnh vực.

IV. KẾT LUẬN

Như vậy, quan hệ Việt Nam – Ấn Độ nói chung, các hoạt động hợp tác quốc phòng Việt – Ấn nói riêng đã được duy trì và thúc đẩy một cách bền bỉ, thủy chung, bất chấp những điều kiện khác nhau của tình hình thế giới. Dù không phải là những quốc gia láng giềng “núi liền núi, sông liền sông”, lại khác nhau về hệ thống chính trị, quy mô lãnh thổ và tầm vóc văn hóa, Việt Nam và Ấn Độ vẫn luôn dành cho nhau sự tin tưởng chân thành hiếm có. Như Thủ tướng Modi đã nhấn mạnh, quan hệ Việt – Ấn dựa trên nền tảng của sự thấu hiểu, tin tưởng nhau mạnh mẽ và cùng có chung quan điểm đối với các vấn đề quốc tế và khu vực nên sẽ ngày càng được củng cố, thắt chặt hơn nữa. Sự tin tưởng này là điều kiện cần thiết cho triển vọng tương lai của hai quốc gia, cũng là cơ sở cho việc phát triển các hoạt động hợp tác quốc phòng giữa hai nước. Tuy nhiên, trong bối cảnh cả Việt Nam và Ấn Độ phải đối mặt với những thách thức an ninh từ sự trỗi dậy của Trung Quốc, nhu cầu cần có nhau chính là “điều kiện đủ” để Việt Nam và Ấn Độ tăng cường hợp tác. Từ góc nhìn quan hệ quốc tế, có thể diễn giải rằng, mối quan hệ này không chỉ được thúc đẩy dựa trên những thiện cảm sẵn có mà còn dựa trên vấn đề lợi ích của mỗi bên. Vì không gian phát triển của mình, vì quyền lợi ở vùng biển Ấn Độ Dương, Ấn Độ cần Việt Nam như một sự kết nối đến khu vực Đông Nam Á và trong việc kiếm tìm những giải pháp về an ninh hàng hải. Trong khi đó, vị thế và tiềm lực của Ấn Độ là một lựa chọn quan trọng cho chính sách cân bằng của Việt Nam. Tất cả những điều này, cùng với văn hóa quân sự hòa bình của hai đối tác truyền thống, tạo nền tảng quan trọng cho triển vọng tốt đẹp của quan hệ Việt - Ấn nói chung và cho hợp tác quốc phòng Việt – Ấn nói riêng, góp phần thúc đẩy hai quốc gia lại gần nhau hơn.

V. LỜI CẢM ƠN

Bài viết là sản phẩm của Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường: “Hợp tác quốc tế ở khu vực Ấn độ Dương – Thái Bình Dương của một số nước lớn từ góc nhìn tự chủ chiến lược” của Trường ĐH Ngoại ngữ - Tin học TP.HCM

² Tuy nhiên, vẫn chưa có một thông tin xác nhận chính thức nào từ cả phía Ấn Độ và Việt Nam về việc Ấn Độ đã bán BrahMos cho Việt Nam.

VI. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Dương Thị Ngọc Minh (2015). “Dấu vết của chữ Phạn trên đất Nam Bộ”. *Tạp chí Xưa & nay* số 455, tr.42.
- [2] Lee Keun Yeup (1998), “Hàn Quốc và Việt Nam, một cái nhìn lịch sử (Trích dịch)”, *Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ nhất*, Nxb.Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [3] Cao Xuân Phổ (2005), “Đối thoại văn hóa giữa Việt Nam và Ấn Độ”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, Số 3, tr.25-29.
- [4] Vo Xuan Vinh (2013). *Vietnam – India Relations in the light of India’s Look East Policy*. Indian Council of World Affairs, NeUSw Delhi, pp.19-21.
- [5] Shri Pranab Mukherjee (2014), “Speech by the President of India, Shri Pranab Mukherjee at the Banquet hosted by the President of the Social Republic of Vietnam, H.E.Mr.Truong Tan Sang”, *Shri Pranab Mukherjee* 15/9/2014, <http://pranabmukherjee.nic.in/sp150914.html>.
- [6] TTXVN (2022), “Quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam và Ấn Độ”, <https://baotintuc.vn/infographics/quan-he-doi-tac-chien-luoc-toan-dien-viet-nam-va-an-do-20220107055859743.htm>, truy cập 17/1/2022.
- [7] Bộ Công thương (2021), “Thương mại song phương Việt Nam - Ấn Độ vượt 12 tỷ USD trong 11 tháng”, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/thi-truong-chau-a-chau-phi/thuong-mai-song-phuong-viet-nam-an-do-vuot-12-ty-usd-trong-11-thang.html>, truy cập 17/1/2022.
- [8] Cao Xuân Phổ, Trần Thị Lý (chủ biên) (1997), *Ấn Độ xưa và nay*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [9] Tuổi Trẻ (2015), “Ấn Độ tài trợ bảo tồn, tôn tạo khu di tích Mỹ Sơn”, *Tuổi Trẻ*, <https://tuoitre.vn/an-do-tai-tro-bao-ton-ton-tao-khu-di-tich-my-son-700764.htm>.
- [10] Hoàng Lê (2016), “Cô dâu 8 tuổi và phim ngoại ồ ạt lên truyền hình Việt”, *Tuổi Trẻ*, <https://tuoitre.vn/co-dau-8-tuoi-va-phim-ngoai-o-at-len-truyen-hinh-viet-1034107.htm>.
- [11] Lê Văn Cường (2017). “Không gian phát triển của quan hệ Việt Nam - Ấn Độ”. *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế Việt Nam - Ấn Độ: 45 quan hệ ngoại giao và 10 năm đối tác chiến lược*. Nxb.Lý luận chính trị, tr.70.
- [12] Singh, A. (2012). “South China Sea Disputes: Regional Issue, Global Concerns”. *Maritime Affairs: Journal of the National Maritime Foundation of India*, 8(1), p.121.
- [13] Nguyễn Hoàng Giáp (chủ biên) (2013). *Cạnh tranh chiến lược ở khu vực Đông Nam Á giữa một số nước lớn hiện nay*. Nxb.Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.169.
- [14] Salman Rafi Sheikh (2014). “The Indian Ocean: A Flashpoint of India-China Power Tussle?”. *New Eastern Outlook*, <https://journal-neo.org/2014/10/11/the-indian-ocean-a-flashpoint-of-india-china-power-tussle/>. Truy cập 18/7/2018.
- [15] Danielle Rajendram (2014). *India’s new Asia – Pacific strategy: Modi act East*. The Lowy Institute for International Policy, p.8.
- [16] Rup Narayan Das (2013). “India-China Relations A new Paradigm”. *IDSA Monograph Series*, No.19, May 2013. Institute for Defence Studies and Analyses, New Delhi. <https://idsa.in/system/files/Monograph19.pdf>.
- [17] Global Security, “India-China Border Dispute”, *Global Security*, https://www.globalsecurity.org/military/world/war/india-china_conflicts.htm, truy cập 9/9/2019.
- [18] Văn Đức Thanh (chủ biên) (2019), *Văn hóa quân sự Việt Nam_ Truyền thống và hiện đại*, Nxb.Chính trị quốc gia, tr.51.
- [19] Nguyễn Nhung (2021), “Bộ trưởng Phan Văn Giang: Chính sách quốc phòng Việt Nam mang tính chất hòa bình và tự vệ”, *VOV*, <https://vov.vn/chinh-tri/bo-truong-phan-van-giang-chinh-sach-quoc-phong-viet-nam-mang-tinh-chat-hoa-binh-va-tu-ve-868726.vov>, truy cập 16/07/2022.
- [20] Bộ Quốc phòng (2019), *Quốc phòng Việt Nam 2019*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr. 25.
- [21] Trieu Viet Anh (2013), “Sức mạnh mềm” của Việt Nam”, <http://mattrantoquoc.hoabinh.gov.vn/index.php/tin-th-i-s-trong-nu-c/723-s-c-m-nh-m-m-c-avi-t-nam>, truy cập 7/11/2017.
- [22] Ian Storey and Carlyle A.Thayer (2001), *Cam Ranh Bay: Past Imperfect, Future Conditional*, Contemporary Southeast Asia, Vol.23, No.3, p.467.
- [23] Ian Storey and Carlyle A.Thayer (2001), *Cam Ranh Bay: Past Imperfect, Future Conditional*, Contemporary Southeast Asia, Vol.23, No.3, p.468.
- [24] Việt Tuấn (giới thiệu) (2011), “Đằng sau việc Ấn Độ bước chân vào biển Đông”, *Nghiencuubiendong*, <https://nghiencuubiendong.vn/dang-sau-viec-an-do-buoc-chan-va-o-bien-dong.45420.aneWS>, truy cập 17/1/2022.
- [25] Rahul Mishra (2014), *India-Vietnam: New Waves of Strategic Engagement*, Indian Council of World Affairs, p.4.

- [26] Murray Hiebert, Phuong Nguyen, Gregory B. Poling (Editors) (2014), *Perspective on the East Sea: Diplomatic, legal and security dimensions of the disputes*, Center for Strategic & International Studies (CSIS), p.141.
- [27] Ministry of Defence (India) (2015), “India and Vietnam Sign a Joint Vision Statement on defence Cooperation”, *Press Information Bureau, Government of India*, <http://pib.nic.in/newsite/PrintRelease.aspx?relid=122033>.
- [28] Ministry of External Affairs (India) (2016), “India – Vietnam Bilateral Relations”, *MEA*, https://www.mea.gov.in/Portal/ForeignRelation/Vi_Bilateral_Relations_December_2018_1.pdf, truy cập 17/1/2023.
- [29] Đảng cộng sản Việt Nam (2021), Ấn Độ tài trợ 5 triệu đô-la Mỹ cho Dự án Công viên Phần mềm Quân đội, <https://dangcongsan.vn/thoi-su/an-do-tai-tro-5-trieu-do-la-my-cho-du-an-cong-vien-phan-mem-quan-doi-587885.html>, truy cập 17/1/2023.

BASIS AND ACHIEVEMENTS IN THE DEFENSE COOPERATION OF VIETNAM - INDIA IN THE 21ST CENTURY

Phạm Thị Yên

ABSTRACT— The article clarifies the foundation for the development of defense diplomacy between Vietnam and India in the 21st century as well as the achievements that the two countries have achieved in this field. On the basis of applying historical research and interest analysis methods, the author points out the good status of Vietnam - India relations, the need for each other of the two countries in the face of common challenges and threats in terms of security and a peaceful and humane military culture of both Vietnam and India set important foundations for the development of defense diplomacy between Vietnam and India. On the other hand, defense diplomacy activities between the two sides strengthen the image and position of each country as well as contribute to growth promotion in other areas of their bilateral relationship.

Keywords: Vietnam - India relations, defense diplomacy, foundations, achievements, defense cooperation



Phạm Thị Yên – Tiến sĩ chuyên ngành Quan hệ quốc tế tại Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội, hiện là giảng viên khoa Quan hệ quốc tế, Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP.HCM (HUFLIT). Cô cũng là Thư ký Hội đồng Khoa học – Đào tạo Trường và thành viên Ban biên tập Tạp chí khoa học HUFLIT. Phạm Thị Yên còn tham gia giảng dạy tại các trường Đại học Tôn Đức Thắng, Đại học KHXH&NV TP.HCM, Đại học QT Hồng Bàng, Đại học Kinh tế - Luật và Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu. Lĩnh vực nghiên cứu chính của cô là hợp tác quốc phòng, quan hệ đối ngoại của các nước lớn, và hợp tác quốc tế ở khu vực Ấn Độ Dương

– Thái Bình Dương.